

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: **3073** /2014/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **22** tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định giá tính lệ phí trước bạ các loại nhà.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011; Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25/3/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính; Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 về hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính Thanh Hóa tại Tờ trình số 2179/STC-QLCS-GC ngày 25/6/2014, Công văn số 3297/STC-QLCSGC ngày 03/9/2014 về việc đề nghị phê duyệt bảng giá tính lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tính lệ phí trước bạ cho 01m² sàn xây dựng đối với các loại nhà trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

Số TT	Loại nhà	Đơn giá (đồng/m ²)
1	Nhà dạng biệt thự (chung tường hoặc độc lập), nhà xây tường dày 220, khung cột bê tông chịu lực	
	- Mái bê tông cốt thép (BTCT) đổ tại chỗ	3.670.000
	- Mái BTCT lắp ghép	3.400.000
2	Nhà cao tầng(từ 4 tầng trở lên)	
2.1	Nhà xây tường dày 220 kết hợp tường dày 110, khung cột bê tông chịu lực	
	- Mái BTCT đổ tại chỗ	3.530.000
	- Mái BTCT lắp ghép	3.260.000
2.2	Nhà xây tường dày 110, khung cột bê tông chịu lực	

Số TT	Loại nhà	Đơn giá (đồng/m ²)
	- Mái BTCT đổ tại chỗ	3.400.000
	- Mái BTCT lắp ghép	3.130.000
3	Nhà chung cư cao tầng kết cấu khung bê tông cốt thép (BTCT); tường bao xây gạch, sàn BTCT đổ tại chỗ	6.700.000
4	Nhà cấp 4(từ 1 đến 3 tầng)	
4.1	Nhà xây tường dày 220, khung cột bê tông chịu lực	
	- Mái BTCT đổ tại chỗ	3.530.000
	- Mái BTCT lắp ghép	3.260.000
	- Mái lợp ngói	2.850.000
4.2	Nhà xây tường dày 110, khung cột bê tông chịu lực	
	- Mái BTCT đổ tại chỗ	3.400.000
	- Mái BTCT lắp ghép	3.120.000
	- Mái lợp ngói	2.720.000
4.3	Nhà xây tường dày 220 chịu lực	
	- Mái BTCT đổ tại chỗ	2.180.000
	- Mái BTCT lắp ghép	1.900.000
	- Mái lợp ngói	1.770.000
5	Nhà xây gạch nung lợp tranh, nứa, lá	1.090.000
6	Nhà xây gạch không nung lợp ngói, tôn	950.000
7	Nhà xây gạch không nung lợp tranh, nứa, lá	750.000
8	Nhà sàn lợp ngói, tôn	870.000
9	Nhà sàn lợp tranh, nứa, lá	780.000
10	Nhà gỗ lợp ngói, tôn	720.000
11	Nhà gỗ lợp tranh, nứa, lá	630.000
12	Nhà tranh, tre, nứa, lá	310.000

Giá nhà quy định nêu trên là giá xây dựng mới 100%. Đối với nhà đã qua sử dụng căn cứ Quyết định số 4229/2011/QĐ-UBND ngày 16/12/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà, các loại tài sản khác làm căn cứ tính mức thu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá để xác định giá tính lệ phí trước bạ.

Điều 2. Căn cứ giá tính lệ phí trước bạ các loại nhà quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo và hướng dẫn cụ thể cách tính lệ phí trước bạ để các tổ chức, cá nhân trong tỉnh biết, thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện; báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kịp thời giá tính lệ phí trước bạ nhà khi có biến động về giá cho phù hợp với thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Đ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định (để thực hiện);
 - Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp (báo cáo);
 - Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng (báo cáo);
 - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KTTT.
- QDCD 14-010

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng